

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 10/5/2021.

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Văn Bào.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hòa và ông Bùi Văn Bửu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết  
- Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Cư Jút mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2020, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa ngày số: 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2021 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số: 01/2021/TB-DS ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Số 41/6c, tổ 28, Ấp Tân Th, xã Tân H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú tại: Thôn 7, xã Tân T, huyện C, tỉnh Đắk Nông (có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2019, bản tự khai ngày 17/01/2020, biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:***

*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh T tìm hiểu, tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, đến ngày 15/5/2006 chị M và anh T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Chị M và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bắt

đồng quan quan điểm, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị M và anh T đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh T có 01 con chung là Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 01/4/2006, hiện nay cháu Tr đang sinh sống cùng bà ngoại là bà Đoàn Thị H.

Chị M có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2021 và tại phiên tòa anh Nguyễn Minh T trình bày:***

*Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Minh T thừa nhận, anh T và chị M có tìm hiểu, tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, đến ngày 15/5/2006 anh T và chị M mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Anh T và chị M chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì chị M bỏ về mẹ đẻ (Thôn 7, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) sinh sống. Tuy nhiên, trên thực tế giữa anh T và chị M không có mâu thuẫn gì lớn, chủ yếu là do khác quan điểm sống, công việc không ổn định nên chị M đã bỏ đi, anh T và chị M đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Giữa anh T và chị M đã sống ly thân nhiều năm, khác quan điểm sống nên anh T không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị M. Vì vậy, anh T đồng ý ly hôn với chị M và đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về con chung:* Anh T và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 01/4/2006, hiện nay cháu Tr đang sinh sống với bà ngoại là Đoàn Thị H, anh T có nguyện vọng được nhận nuôi con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Anh T thừa nhận, anh T và chị M không có tài sản chung và nợ chung nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:***

***- Về tố tụng:***

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, hòa giải, xét xử, nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bị đơn là anh Nguyễn Minh T đăng ký tạm trú tại thôn 7, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án,

giấy triệu tập đến làm việc, thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do; Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã lấy lời khai của anh T về những nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay anh T có mặt và đã nghiêm túc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- **Về nội dung:** Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh T; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 01/4/2006 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Minh T, anh T là bị đơn trong vụ án có đăng ký tạm trú tại thôn 7, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông từ ngày 23/12/2019 với thời hạn là 01 năm; Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh T có biết việc Tòa án nhân dân huyện Cư Jút thụ lý đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M và anh T có biết việc Tòa án niêm Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác; anh T cũng không có nơi cư trú cố định, trước khi chị M khởi kiện thì anh T có đăng ký tạm trú tại thôn 7, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, anh T đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử vụ án và giải quyết cho chị M và anh T ly hôn. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn đơn là chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T qua thời gian tìm hiểu, tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2004, đến ngày 15/5/2006 chị M và anh T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình giải quyết vụ án Chị M và anh T đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc

sống chung không còn hạnh phúc, chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị M đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật và việc sống ly thân giữa chị M và anh T được anh T thừa nhận nên yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

*Về con chung:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh T có 01 con chung là Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 01/4/2006, hiện nay cháu Tr đang sinh sống cùng bà ngoại là bà Đoàn Thị H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2020 cháu Tr có nguyện vọng muốn được sống với chị M, tuy nhiên ngày 10/5/2021 cháu Tr xin thay đổi lời khai và có nguyện vọng muốn được sống với bố là anh T cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện chị M đi làm ăn xa, không có thời gian chăm sóc cháu Tr và anh T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh T khai hiện anh T làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh thu nhập ổn định, lương hằng tháng khoảng 8.000.000 đồng, với mức thu nhập này đủ nuôi dưỡng cháu Tr. HĐXX xét thấy việc anh T nhận nuôi cháu Tr phù hợp với nguyện vọng của cháu nên cần giao cháu Tr cho anh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp Hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 01/4/2006 cho anh Nguyễn Minh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Minh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Trong trường hợp anh T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, chị M hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000610 ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Minh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**Nông Văn Bào**